TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/02/2020
V/v: Ly hôn giữa
Chị H và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Duy Chinh

Bà Nguyễn Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Kim Cúc– Thư ký TAND huyện Xuân Trường.

- Đại diện VKSND huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: bà Khổng Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H (tên gọi khác là Nguyễn Thị Thu H), sinh năm: 1985;

Địa chỉ: xóm 12, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện tại: thôn M, xã H, huyện Ứ, TP Hà Nội.

Bị đơn: anh Bùi Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: xóm 12, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị H có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2019 được bổ sung tại bản khai ngày 30 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H (tức Nguyễn Thị Thu H) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 01/02/2007. Sau khi cưới vợ chồng chung

sống hòa thuận và đã có 01 con chung. Trong cuộc sống hàng ngày anh chị xảy ra mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn M, xã H, huyện Ứ, thành phố Hà Nội từ năm 2013 và anh chị đã ly thân cho đến nay. Anh T và chị cũng không liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh T.

Về con chung: anh chị có 01con chung là Bùi Ngọc L sinh ngày 12/9/2008 hiện đang ở với chị .Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên Tòa mặc dù Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng có liên quan cho mẹ đẻ anh là bà Vũ Thị N, bà N xác nhận đã thông báo đầy đủ cho anh T nhưng anh không về làm việc với Tòa án. Đồng thời bà N cũng xác nhận anh T và chị H kết hôn đăng ký tại UBND xã X năm 2007. Anh chị mâu thuẫn với nhau do quan điểm sống của vợ chồng. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn M, xã H, huyện Ứ, thành phố Hà Nội từ năm 2013 đến nay không về nhà bà nữa. Anh T thì đi làm ăn trong thành phố Hồ Chí Minh vẫn thường xuyên về nhà bà. Anh có nói với bà thông báo cho Tòa án việc chị H xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn; con chung anh nhất trí có 01 con là Bùi Ngọc L sinh ngày 12/9/2008 đang ở với chị H, anh nhất trí để chị H nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con như đề nghị của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến là trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định tố tụng dân sự. Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ đề nghị giải quyết cho chị H ly hôn anh T. Con chung giao cho chị H nuôi, chấp nhận chị không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con cho chị. Án phí chị H nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Văn T vắng mặt tại phiên tòa và đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng có liên quan và gửi cho mẹ anh là bà Vũ Thị N theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà N xác nhận anh T đã được thông báo đầy đủ. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Chị H và anh T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 01/02/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ. Sau khi cưới anh chị chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị bỏ về nhà mẹ đẻ chị từ năm 2013 đến nay, hai bên không liên lạc gì với nhau nữa. Mặc dù được Tòa án thông báo việc chị H xin ly hôn thông qua mẹ đẻ anh nhưng anh không về Tòa làm việc chứng tỏ anh không

còn thiết tha với hôn nhân của mình; mặt khác anh chị đã ly thân không liên lạc suốt từ năm 2013 đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể tồn tại được nên chấp nhận cho họ ly hôn để mỗi bên lo hạnh phúc riêng phù hợp với họ. Do đó chấp nhận giải quyết cho chị H ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Chị H đề nghị nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy con chung đang ở với chị, anh thì làm ăn xa, cháu L có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó chấp nhận để chị H nuôi con chung và chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con cho chị.

[4]. Về tài sản, công nợ đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H (tên gọi khác là Nguyễn Thị Thu H) và anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi con chung Bùi Ngọc L sinh ngày 12/9/2008, chấp nhận chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường theo biên lai thu tiền số: 0001681 ngày 26 tháng 12 năm 2019.

Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu HS + VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh